

Số: 673 /TTr-UBND

An Giang, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm (phí đăng ký biện pháp bảo đảm) bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2020 đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm (phí đăng ký biện pháp bảo đảm) bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang, với các nội dung cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Hiện nay, việc thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh An Giang được thực hiện theo Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tư pháp; nông nghiệp, lâm nghiệp; giao thông vận tải thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh (gọi tắt là Nghị quyết số 43/2016/NĐ-HĐND) và Quyết định số 86/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND (gọi tắt là Quyết định số 86/2016/QĐ-UBND).

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, nội dung thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm tại Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND không còn phù hợp, cụ thể:

*1. Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND có một văn bản đã hết hiệu lực và có văn bản khác thay thế, cụ thể: Thông tư số 250/2016/TT-*

BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đã hết hiệu lực từ ngày 13/01/2020, được thay thế bởi Thông tư số 85/2019/TT-BTC.

2. *Tên gọi loại phí:* Theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC, tên gọi loại phí là ***phí đăng ký giao dịch bảo đảm (phí đăng ký biện pháp bảo đảm) bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.***

3. *Đối tượng không thu phí đăng ký giao dịch bảo đảm tại Khoản 3 Điều 1 Chương I Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND* chưa bao gồm các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký, đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm và xóa đăng ký biện pháp bảo đảm của các đối tượng được miễn phí. Trong khi đó, Điều 12 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm quy định:

*“Điều 12. Giấy tờ chứng minh trường hợp không phải nộp phí khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm*

1. *Trường hợp cá nhân, hộ gia đình là đối tượng không phải nộp phí khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, thì người yêu cầu đăng ký nộp một trong các loại giấy tờ sau đây để làm căn cứ chứng minh thuộc đối tượng không phải nộp phí:*

a) *Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng có điều khoản về việc cá nhân, hộ gia đình vay vốn sử dụng vào một trong các lĩnh vực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực);*

b) *Văn bản xác nhận (có chữ ký và con dấu) của tổ chức tín dụng về việc cá nhân, hộ gia đình vay vốn sử dụng vào một trong các lĩnh vực phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực).*

2. *Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký, đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm mà trong hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm trước đó đã có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này, thì người yêu cầu đăng ký không phải nộp các loại giấy tờ nêu trên”.*

4. *Việc xác định mức thu phí theo hồ sơ không đủ bù đắp chi phí cho việc thực hiện công việc đối với trường hợp hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm có nhiều giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.*

Căn cứ điểm o, khoản 1, Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC quy định: “Phí đăng ký giao dịch bảo đảm (phí đăng ký biện pháp bảo đảm) là khoản thu bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm bù đắp chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và bù đắp chi phí cho hoạt động thu phí. Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương để quy định mức thu phí theo

hồ sơ đăng ký, các trường hợp đăng ký, thửa đất hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho phù hợp”.

Việc xây dựng mức thu phí tính theo hồ sơ như quy định tại Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND không đủ bù đắp chi phí cho việc thực hiện công việc đối với trường hợp hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm có nhiều giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Đối với hồ sơ đăng ký bao gồm nhiều giấy chứng nhận nhưng mức phí vẫn bằng với trường hợp hồ sơ có một giấy chứng nhận thì không đủ chi phí thực hiện công việc, bởi vì tăng thêm khối lượng công việc, chi phí thực hiện, đồng thời tăng thêm trách nhiệm, rủi ro của cơ quan thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm. Do đó, việc xác định mức thu phí sẽ được xác định đối với hồ sơ có một giấy chứng nhận và trường hợp hồ sơ có nhiều giấy chứng nhận thì từ giấy chứng nhận thứ hai trở đi sẽ tính thêm phần phát sinh khi số lượng giấy chứng nhận tăng thêm, cụ thể: trường hợp người yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm đối với nhiều giấy chứng nhận trong một hồ sơ thì kể từ giấy chứng nhận thứ 2 trở đi tổ chức thu phí được thu thêm 10.000 đồng/giấy chứng nhận để bù đắp chi phí cần thiết cho việc thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm.

*5. Mức thu phí “Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm: 70.000 đồng/hồ sơ” tại Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND chưa đảm bảo nguyên tắc xác định mức thu tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 85/2019/TT-BTC, cụ thể mức thu này cao hơn mức thu phí do Bộ Tài chính quy định tại Thông tư số 113/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm, mức thu phí “Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm”: 30.000 đồng/hồ sơ”.*

Mặt khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Phí và Lệ phí quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền” và tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng, thẩm định Đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh”.

Theo quy định tại khoản 21 Điều 3 và điểm n và điểm o khoản c Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì “Phí đăng ký giao dịch bảo đảm” thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Từ những lý do nêu trên và để áp dụng thống nhất thực hiện trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 18 ban hành Nghị Quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm (phí đăng ký biện pháp bảo đảm) bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

Nghị quyết sau khi ban hành sẽ thay thế quy định về phí giao dịch bảo đảm tại Chương I Quy định được ban hành kèm theo Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tư pháp; nông nghiệp; lâm nghiệp; giao thông vận tải thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

### **1. Mục đích**

Ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm (phí đăng ký biện pháp bảo đảm) bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang để phù hợp với Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; khoản 21 Điều 3 và điểm n và điểm o khoản c Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

### **2. Quan điểm xây dựng dự thảo**

- a) Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- b) Đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện Luật Phí và lệ phí và Thông tư số 85/2019/TT-BTC, Sở Tư pháp xây dựng dự thảo Nghị quyết theo quy trình như sau:

- Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính xây dựng và ban hành Đề án 1351/ĐA-STP ngày 22/10/2020 của Sở Tư pháp về Quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm (phí đăng ký biện pháp bảo đảm) trên địa bàn tỉnh An Giang (*kèm theo Tờ trình này*).

- Sở Tư pháp đã soạn thảo dự thảo Nghị quyết và lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan (*Bảng tổng hợp ý kiến*).

- Theo Điều 121, 130 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Điều 50 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Sở Tư pháp đã thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm (phí đăng ký biện pháp bảo đảm) bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Sở Tư pháp tổ chức cuộc họp Hội đồng tư vấn thẩm định, kết quả: 8/9 thành viên (vắng 01 Thành viên) Hội đồng thống nhất dự thảo đảm bảo căn cứ

pháp lý, thẩm quyền ban hành; đảm bảo nội dung và hình thức văn bản, đủ điều kiện trình thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh (*Đính kèm Biên bản cuộc họp*).

### **III. BỐ CỤC VĂN BẢN**

Dự thảo Nghị quyết gồm có 03 Điều, gồm:

**1. Điều 1.** Quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm (phí đăng ký biện pháp bảo đảm) bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang

- Phạm vi điều chỉnh;
- Đối tượng áp dụng;
- Đối tượng nộp phí;
- Đơn vị thu phí;
- Các trường hợp miễn thu phí;
- Mức thu;
- Quản lý và sử dụng phí;
- Trách nhiệm của đơn vị thu phí.

**2. Điều 2.** Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

**3. Điều 3.** Điều khoản thi hành: Nghị quyết được thông qua sẽ thay thế quy định về phí đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chương I của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 43/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tư pháp; nông nghiệp, lâm nghiệp; giao thông vận tải thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- TT. UBND tỉnh (b/c);
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Bình**